

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HS-ST

Ngày: 11 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Ông Trần Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tô Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Hoàng Đình D, sinh ngày 22/4/2002; Tên gọi khác: Không; Tại: Xã Th T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân: 038202003815; Cấp ngày: 02/4/2018. Nơi cư trú: Thôn Q 2, xã Th T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Đình T - sinh năm 1965; Con bà Hoàng Thị A- sinh năm 1971; Vợ: chưa; con chưa.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2024 đến ngày 13/9/2024 chuyển tạm giam. Ngày 15/11/2024 thì áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trần Thị L, sinh năm 1966; (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Anh D1, sinh năm 1991; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Trần Đức T1, sinh năm 1990; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã Tr X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

3. Chị Nguyễn Thị L A, sinh năm 1994; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã Tr X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

4. Chị Trần Thị L1, sinh năm 1980; (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Q 2, xã Th T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

- Người làm chứng: Hoàng Anh Th, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 03/9/2024, Hoàng Đình D, sinh năm 2002, ở thôn Q 2, xã Th T, huyện B điều khiển xe mô tô BKS 36B3 – 898.10 đi quanh khu vực Thị trấn B để tìm và lợi dụng sơ hở của người dân rồi chiếm đoạt tài sản.

Đến 18h cùng ngày, D đi qua cửa hàng điện thoại Minh Lân ở khu phố 3, thị trấn B, huyện B thấy trong quán chỉ có bà Trần Thị L, sinh năm 1966 đang trông cửa hàng nên nảy sinh ý định vào chiếm đoạt tài sản. Lúc này Dân dừng xe, đi bộ vào cửa hàng và nói với bà Lân “*cho cháu xem hai chiếc điện thoại này*”. Bà Lân lấy ra trong tủ kính một điện thoại Iphone 12 màu trắng và một điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh cho Dân xem. Sau khi xem và hỏi giá cả, Dân nói với bà Lân cho cháu xin cốc nước với mục đích bà Lân đi vào nhà lấy nước thì Dân sẽ cầm hai điện thoại bỏ chạy, nhưng bà Lân không vào mà nói với Dân “*cháu xuống bếp lấy*”. Dân xuống bếp lấy nước uống rồi quay lại tiếp tục xem điện thoại. Khi thấy cửa hàng không có khách, còn bà Lân đi vào bên trong không để ý, Dân cầm hai chiếc điện thoại đi ra phía cửa thì bà Lân phát hiện, chạy theo kéo Dân lại và hỏi “*đi đâu đấy*” thì Dân trả lời “*cháu ra xem bạn cháu đến chưa*”. Sau đó Dân quay lại cửa hàng cùng bà Lân, tiếp tục xem điện thoại. Một lúc sau, khi thấy bà Lân không để ý, Dân đã cầm hai chiếc điện thoại chạy ra xe mô tô và điều khiển xe bỏ chạy. Bà Lân phát hiện đuổi theo nhưng không kịp.

Sau khi lấy được tài sản Dân điều khiển đi qua Ủy ban xã Thiệu Nguyên thì cởi áo chống nắng, quần đang mặc bên ngoài, khẩu trang vứt xuống ruộng nước rồi tiếp tục đi đến cửa hàng điện thoại của anh Trần Đức T1, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị Lan Anh, sinh năm 1994, ở thôn C, xã Tr X, huyện Thọ Xuân để bán điện thoại Iphone 12 màu trắng vừa chiếm đoạt được với giá 6.200.000đ. Chiếc điện thoại còn lại, Dân cất giấu ở phía sau quán bia Toàn Ken ở thôn Q 1, xã Th T, huyện B do anh Trần Xuân Sỹ, sinh năm 1996 làm chủ quán. Số tiền có được do bán điện thoại, Dân đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân (BL 72-83).

Đến 19 giờ ngày 04/09/2024 nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và không thể trốn tránh nên Dân đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên (BL 71).

Anh Trần Đức T1 giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc điện thoại iphone 12 màu trắng mà Dân đã bán cho anh.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã thu giữ tại vị trí phía sau quán bia Toàn Ken chiếc điện thoại Iphone 11 Promax; Tại khu vực nương nước cạnh Ủy ban xã Thiệu Nguyên thu giữ một áo khoác dài tay màu đen có mũ, viền ống cánh tay màu trắng đã qua sử dụng (dạng áo chống nắng), đôi với chiếc quần mặc ngoài và chiếc khẩu trang mà Dân vứt bỏ không thu giữ được (BL 142-145, 156-157).

- Thu giữ của bà Trần Thị L1 một xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 36B3 – 898.10; Một đăng ký xe mô tô cấp ngày 06/09/2014 chủ sở hữu Hoàng Văn Trà, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 36B3 – 898.10. Ngoài ra, tại cơ quan điều tra bị can Dân giao nộp một áo phông cộc tay có cổ và viền ống cánh tay màu trắng đã qua sử dụng; Một quần đùi màu đen đã qua sử dụng là trang phục Dân mặc khi thực hiện hành vi phạm tội (BL 158-161).

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số 10/2024/HĐ-ĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Chiếc điện thoại Iphone 12 có giá trị là 6.300.000 đồng, chiếc điện thoại Iphone 11 Promax có giá trị là 8.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Dân chiếm đoạt là 14.300.000 đồng (BL 168).

Về phần dân sự: Bà Lân đã nhận lại 01 (một) điện thoại iphone 12 màu trắng và 01 (một) điện thoại iphone 11 promax, nên bà Lân không có yêu cầu gì thêm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đức T1 cũng đã nhận lại được số tiền 6.200.000đ mà anh Tuấn đã bỏ ra mua điện thoại iphone 12 của Dân, nên anh Tuấn không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 37 - CT/VKS ngày 05/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Hoàng Đình D về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, có căn cứ cho thấy bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền đã mua điện thoại cho anh Trần Đức T1. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị xử phạt Hoàng Đình D từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy : 01 áo phông cộc tay có cổ và viền ống cánh tay màu trắng đã qua sử dụng; 01 quần đùi màu đen đã qua sử dụng; 01 áo khoác dài tay màu đen có mũ, viền ống cánh tay màu trắng đã qua sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và các vấn đề

khác; Khi nói lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, chứng cứ xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Đình D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ ngày 03/9/2024, tại cửa hàng điện thoại Minh Lân ở khu phố 3, thị trấn B, huyện B, Hoàng Đình D đã có hành vi vào giả vờ hỏi mua điện thoại, để lợi dụng lúc chủ cửa hàng không để ý, Dân cầm 02 chiếc điện thoại gồm 01 chiếc điện thoại Iphone 12 màu trắng và 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh rồi chạy ra xe nổ xe bỏ chạy, bà Lân phát hiện chạy theo nhưng không kịp. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm hại đến trật tự quản lý xã hội, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong một bộ phận quần chúng nhân dân; Hành vi đó phải được xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra cơ quan Công an đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình phạt phạt tù, cho hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*” do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo là lao động tự do, không nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định; Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Trần Thị L đã nhận lại 02 chiếc điện thoại. Bà Lân không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với hành vi mua chiếc điện thoại mà Hoàng Đình D bán cho anh Trần Đức T1, khi mua điện thoại Dân không nói chiếc điện thoại do cướp giật mà có, anh Tuấn không biết chiếc điện thoại do phạm tội mà có, nên Viện kiểm sát không truy tố hành vi của anh Tuấn về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là phù hợp. Đối với số tiền anh Tuấn bỏ ra mua điện thoại của Dân, quá trình điều tra gia đình bị cáo Dân đã trả lại đầy đủ số tiền cho anh Tuấn, anh Tuấn không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 36B3 – 898.10, xác định là tài sản hợp pháp của ông Trần Văn Trà (Dân qua nhà ông Trà mượn vợ ông Trà là bà Trần Thị L1, quá trình điều tra và tại phiên tòa bà Lợi đều trình bày, bà cho Dân mượn xe nhưng không biết Dân sử dụng xe vào hành vi phạm tội). Quá trình điều tra ông Trà bà Lợi có đơn xin lại xe, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại chiếc xe cho ông Trà bà Lợi là phù hợp.

Đối với 01 áo phông cộc tay có cổ và viền ống cánh tay màu trắng đã qua sử dụng; 01 quần đùi màu đen đã qua sử dụng; 01 áo khoác dài tay màu đen có mũ, viền ống cánh tay màu trắng đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị không nhận lại số tài sản trên vì không còn giá trị sử dụng. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy tuyên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[9]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Đình D phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Xử phạt: Hoàng Đình D 27 (Hai bảy) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 54 (năm tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Đình D cho Ủy ban nhân dân xã Th T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 áo phông cộc tay có cổ và viền ống cánh tay màu trắng đã qua sử dụng; 01 quần đùi màu đen đã qua sử dụng; 01 áo khoác dài tay màu đen có mũ, viền ống cánh tay màu trắng đã qua sử dụng là quần áo của bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên bị cáo không có nhu cầu nhận lại.

(Đặc điểm các vật chứng này theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 06/11/2024).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Hoàng Đình D phải chịu 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện B;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện B;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

